

Số: 78 /KH-SYT

Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thực hiện truyền thông thay đổi hành vi (BCC) Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" tỉnh Bắc Giang năm 2018

Căn cứ Công văn số 6559/BNN-TCTL ngày 04/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn về xây triển khai Chương trình "Mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch dựa trên kết quả " tại 21 tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 3215/KH-UBND ngày 13/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về Chương trình "Mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2016 và giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 2668/KH-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về Chương trình "Mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân bổ kế hoạch vốn vay nước ngoài năm 2018 cho các Chương trình, Dự án;

Căn cứ công văn số 5929/BTC-QLN ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính về chuyển số dư dự toán năm 2017 sang năm 2018;

Sở Y tế tỉnh Bắc Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện truyền thông thay đổi hành vi tỉnh Bắc Giang năm 2018 thuộc Chương trình "Mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung.

- Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân nông thôn nhằm cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với nước sạch và vệ sinh nông thôn được cải thiện cho người dân ở các vùng nông thôn tham gia Chương trình 27 xã của tỉnh Bắc Giang. (gồm 6 xã mới tham gia Chương trình năm 2018: Hợp Đức, Liên Chung, Ngọc Thiện, Ngọc Lý, Ngọc Châu, Việt Lập của huyện Tân Yên; 21 xã tham gia Chương trình năm 2017 chuyển sang năm 2018: Đại Thành, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Danh Thắng, Thường Thắng, Châu Minh, Ngọc Sơn, Hoàng Thanh, Mai Đình của huyện Hiệp Hòa và xã Phồn Xương, Tiến Thắng, An Thượng, Đồng Tiến, Đồng Vương, Tam Tiến, Tam Hiệp, Hương Vĩ, Tân Sỏi, Đồng Lạc, Tân Hiệp, Canh Nậu của huyện Yên Thế).

- 100% hộ dân trong 27 xã tham gia “Vệ sinh toàn xã” được tuyên truyền, vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, thông qua cung cấp thông tin về các loại nhà tiêu hợp vệ sinh, cũng như cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu đúng quy cách;

- 100% hộ dân trong 27 xã tham gia “Vệ sinh toàn xã” được cung cấp kiến thức về vệ sinh cá nhân và rửa tay với xà phòng và nước sạch vào các thời điểm quan trọng;

- Các chủ cửa hàng, nhà sản xuất vật liệu xây dựng đồng ý trở thành CHTI và cộng tác viên, thợ xây trong 27 xã tham gia “Vệ sinh toàn xã” được đào tạo tập huấn về thị trường vệ sinh, kỹ thuật xây dựng nhà tiêu, lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng bán hàng để xây dựng và phát triển thành hệ thống cửa hàng tiện ích.

- 90% cán bộ Trạm Y tế xã, y tế thôn bản tham gia thực hiện Chương trình được đào tạo tập huấn về các mô hình thúc đẩy vệ sinh; truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh; thúc đẩy thị trường vệ sinh, kiểm tra, giám sát vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình; nhà tiêu trường học và trạm y tế.

2. Mục tiêu cụ thể về Vệ sinh toàn xã

- 27 xã tham gia “Vệ sinh toàn xã” có ít nhất trên 70% hộ gia đình có nhà tiêu được cải thiện và trên 80% hộ gia đình có điểm rửa tay, có xà phòng (hoặc sản phẩm thay thế xà phòng).

- 21 xã trong 27 xã tham gia “Vệ sinh toàn xã” tại các trường học (điểm trường chính) và trạm y tế có công trình cấp nước, vệ sinh đạt tiêu chuẩn và có điểm rửa tay đang hoạt động (*đạt các tiêu chí Vệ sinh toàn xã được kiểm đếm*).

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

2.1. Đối tượng hưởng lợi

Là các hộ gia đình nông thôn, chủ các cửa hàng tiện ích ngoài ra các cán bộ tham gia cũng sẽ được tăng cường nâng cao năng lực qua quá trình thực hiện của Chương trình.

2.2. Nội dung hoạt động

Các hoạt động dưới đây nhằm thúc đẩy thực hiện mục tiêu của kế hoạch truyền thông, tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Tạo môi trường thuận lợi;
- Truyền thông nâng cao nhận thức nhằm thay đổi hành vi, tạo nhu cầu xây dựng và sử dụng nhà tiêu HVS;
- Phát triển chuỗi thị trường vệ sinh.

2.2.1. Tạo môi trường thuận lợi

Tập trung vào các hoạt động chính là vận động chính sách, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện; giám sát và đánh giá.

a) Các hoạt động vận động chính sách:

Vận động thông qua các kênh khác nhau bao gồm các phương tiện truyền thông đại chúng nhằm tăng cường sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý về công tác vệ sinh thông qua hội thảo và các sự kiện, sử dụng video, tài liệu cung cấp các bằng chứng về tác động của vệ sinh đến sức khỏe và xã hội và các công cụ thông tin khác được thiết kế cho những người ra quyết định và lãnh đạo. Thông qua các hội nghị triển khai vệ sinh các cấp:

- Vận động đại diện UBND, đại diện của tất cả các ban ngành liên quan tham gia vào các hội nghị này. Lồng ghép các mục tiêu thu hút sự quan tâm của các cấp lãnh đạo.

- Cung cấp các số liệu cụ thể, bằng chứng về công tác vệ sinh trong tỉnh: Số liệu báo cáo, băng video...

- Cung cấp các thông tin, các phương pháp và công cụ được sử dụng trong chương trình.

- Vận động các nhà quản lý đưa mục tiêu về vệ sinh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh/huyện/ xã.

- Vận động các nhà quản lý tham gia trực tiếp vào một số hoạt động triển khai tại các cấp (ví dụ các sự kiện vệ sinh, phóng sự vệ sinh phát trên TV...), và các hoạt động đánh giá tại địa phương.

- Vận động các nhà quản lý tham gia vào các cuộc họp giao ban cấp tỉnh và huyện, xã.

- * Các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện chương trình các cấp:

- Trung tâm KSBT chịu trách nhiệm tiếp nhận bộ công cụ truyền thông và lựa chọn các giảng viên nòng cốt cấp tỉnh. Trung tâm KSBT sẽ hỗ trợ TTYT huyện và trạm y tế xã trong việc lựa chọn các cán bộ tham gia tập huấn và triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng;

- Lựa chọn giảng viên nòng cốt tuyến tỉnh: Trung tâm KSBT sẽ lựa chọn các giảng viên nòng cốt cấp tỉnh, cử họ tham gia vào các lớp tập huấn do Chương trình trung ương tổ chức, những giảng viên này sẽ tập huấn lại cho các cán bộ cấp huyện. Số lượng giảng viên nòng cốt tuyến tỉnh tham gia tập huấn sẽ phụ thuộc vào chỉ tiêu do VIHEMA quyết định.

- Tập huấn cho giảng viên nòng cốt (TOT): Các giảng viên nòng cốt được tập huấn ở trung ương sẽ là các giảng viên cho các cấp thấp hơn để truyền đạt lại các kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng truyền thông tại cộng đồng. Các lớp tập huấn TOT ở các cấp tại địa phương sẽ tập trung vào các nội dung sau:

- + Kỹ năng truyền thông, vận động cộng đồng thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường;

- + Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình;

+ Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chương trình; xây dựng và sử dụng nhà tiêu cải thiện, tiếp thị vệ sinh và kết nối chuỗi cung - cầu.

- Các khóa tập huấn cho cán bộ thực hiện dự án:

+ Cấp huyện: Xây dựng năng lực về kế hoạch cấp huyện, vận động chính sách, hỗ trợ và giám sát, điều phối giữa các hoạt động BCC và tăng cường chuỗi cung cấp khu vực tư nhân

+ Cấp xã: Xây dựng năng lực về kế hoạch cấp xã, hỗ trợ và giám sát thực hiện, và kết nối với khu vực tư nhân, ...

+ Cấp Thôn bản: bao gồm cán bộ y tế, trưởng thôn/làng, tổ chức quần chúng. Xây dựng năng lực về triển khai các hoạt động truyền thông, theo dõi và báo cáo.

- Tập huấn cho khu vực tư nhân: Để phát triển thị trường vệ sinh, phát triển các mô hình kinh doanh nhằm thúc đẩy thị trường vệ sinh phát triển. Hoạt động này bao gồm các khóa tập huấn sau:

+ Tập huấn về kỹ năng xây dựng nhà tiêu cho Cửa hàng tiện ích (CHTI) và thợ xây bao gồm: Các loại nhà tiêu và cấu tạo từng loại; Các vật liệu thay thế để xây nhà tiêu; Xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh giá rẻ; Các kỹ thuật xây nhà tiêu.

+ Tập huấn về kỹ năng tiếp thị bán hàng cho cộng tác viên.

+ Tập huấn cho CHTI, các chủ cửa hàng bán vật liệu xây dựng và các cá nhân tham gia kinh doanh về lập kế hoạch kinh doanh, cung cấp các thông tin về thị trường vệ sinh tiềm năng ở địa phương và giúp cửa hàng dự đoán thị trường và dự tính tài chính trước khi triển khai mô hình kinh doanh CHTI.

b) Giám sát và đánh giá:

- Trung tâm KSBT tỉnh sẽ tiếp nhận các biểu mẫu báo cáo chuẩn từ Trung ương để sử dụng vào theo dõi việc thực hiện các hoạt động BCC và cung cấp vệ sinh. Các báo cáo sẽ được sử dụng để thẩm tra việc thực hiện kế hoạch BCC. Báo cáo sẽ có đủ chi tiết, ví dụ họp thôn: ngày họp, số lượng người tham gia và giới tính, hoạt động, các vấn đề thảo luận, v.v...; các sự kiện bán hàng và xúc tiến vệ sinh: ngày sự kiện, người tham gia, số lượng bán hàng,... cũng cấu thành một phần của theo dõi và báo cáo.

- Triển khai các hoạt động giám sát và thực hiện Chương trình tại cộng đồng.

+ Giám sát của tuyến tỉnh: Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 7 lần/năm. Thực hiện giám sát, hỗ trợ 1 lần/hoạt động đối với các hoạt động như tập huấn, truyền thông, của tuyến huyện, xã, thôn/bản...

+ Giám sát của tuyến huyện: Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 7 lần/năm. Thực hiện giám sát, hỗ trợ 1 lần/hoạt động đối với các hoạt động truyền thông, của tuyến xã, thôn/bản...

+ Giám sát của tuyến xã: Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 30 lần/năm. Đối với giám sát riêng rẽ các hoạt động

như truyền thông, họp thôn và các hoạt động do thôn tổ chức sẽ được ban điều hành xã căn cứ vào tình hình và số lượng tổ chức các hoạt động để lên kế hoạch giám sát và hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên...

- Thực hiện hoạt động báo cáo tiến độ theo đúng định kỳ sau:

+ Tuyên truyền viên thôn bản sẽ lập các báo cáo hoạt động tại thôn theo từng tháng và nộp lại cho cán bộ y tế xã vào ngày 30 hàng tháng.

+ Đối với hoạt động BCC ở cấp xã, trạm y tế xã lập báo cáo theo quý và nộp cho Trung tâm Y tế huyện vào ngày 30 cuối quý.

+ Trung tâm y tế huyện tổng hợp báo cáo và gửi Trung tâm KSBT theo quý, vào ngày 5 của tháng đầu mỗi quý tiếp theo.

+ Trung tâm KSBT báo cáo cho Ban điều hành Chương trình tỉnh, Cục QLMTYT hàng quý, vào ngày 20 của tháng đầu mỗi quý tiếp theo. Hàng năm Trung tâm KSBT tỉnh tổng hợp báo cáo cho Sở NN-PTNT; Bộ NN-PTNT và Bộ Y tế ở cấp trung ương cùng với kế hoạch BCC cho năm tiếp theo.

2.2.2. Hoạt động tạo cầu, truyền thông thay đổi hành vi (chi tiết Phụ lục 1)

a) Cấp tỉnh, huyện:

- Hội nghị triển khai, tổng kết cấp tỉnh, huyện: Vận động chính sách thông qua các hội nghị lập kế hoạch, hội nghị tổng kết ... để có được sự cam kết của chính quyền và các bên liên quan tạo điều kiện và thực hiện Chương trình. (có thể lồng ghép chung hội nghị tổ chức của 03 ngành Y tế; Giáo dục và Nông nghiệp).

- Ký kết hợp đồng in ấn, sản xuất và phân phối tài liệu truyền thông: Toàn bộ các tài liệu/ công cụ truyền thông được sử dụng trong quá trình thực hiện sẽ do Trung tâm KSBT tỉnh in ấn và sau đó phân phát về cho huyện → xã → thôn theo số lượng được dự trù cụ thể:

+ Tài liệu hướng dẫn thực hiện các hoạt động BCC: tài liệu này được phát cho cán bộ y tế các cấp, cộng tác viên thôn bản, CHTI và tuyên truyền viên.

+ Danh mục sản phẩm nhà tiêu: Tài liệu này sẽ được phát cho các tuyên truyền viên thôn bản, cộng tác viên bán hàng, thợ xây, CHTI.

+ Pano: Sẽ được treo ở những khu vực đông người qua lại, ở những trục đường giao thông chính hoặc trung tâm của huyện, xã.

+ Tờ rơi sẽ được phát cho các HGD trong hoạt động họp thôn hoặc thăm hộ gia đình.

+ Áp phích tuyên truyền về nhà tiêu HVS và rửa tay bằng xà phòng: Áp phích sẽ được sử dụng trong các buổi họp thôn, treo tại trung tâm y tế, trường học, UBND xã, nhà văn hóa thôn (Tài liệu nhận từ Chương trình cấp).

- Các hoạt động truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như phát các thông điệp về vệ sinh môi trường, xây dựng các phóng sự, tin bài về tình hình vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh. Hoạt động nâng cao năng lực

cho cán bộ các cấp: các cán bộ nòng cốt thực hiện Chương trình tuyển tỉnh, huyện sẽ được tuyển trung ương hỗ trợ, đào tạo thành các giảng viên nòng cốt để có khả năng truyền đạt, hướng dẫn và hỗ trợ cán bộ tuyển dưới triển khai tốt các hoạt động của Chương trình.

- Trung tâm KSBT, TTYT huyện sẽ trực tiếp thực hiện và phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức Lễ công nhận xã đạt "Vệ sinh toàn xã" tại các xã

b) Các hoạt động truyền thông tại cấp xã:

Xã là đơn vị hành chính cơ sở với hệ thống chính trị đồng bộ, có vai trò quyết định. Cần thiết xây dựng cấp xã là cấp thực hiện cơ bản trong các Chương trình Vệ sinh nông thôn (VSNT), trong đó trạm Y tế xã trở thành tổ chức thực hiện VSNT chủ chốt, tiên phong trong việc vận động người dân xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh và thay đổi hành vi vệ sinh một cách bền vững. Các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về nhà tiêu hợp vệ sinh do cán bộ y tế cấp xã làm đầu mối tổ chức, điều hành với sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội như hội phụ nữ, cụ thể như sau:

- Hội nghị triển khai Chương trình Vệ sinh của xã: Hội nghị này được tổ chức hoặc lồng ghép vào các cuộc họp với nội dung và hình thức thực hiện tương tự như hội nghị cấp tỉnh, huyện.

- Phát tin qua loa truyền thanh: Loa phát thanh là phương tiện rất cần thiết trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chính trị tại địa phương, đồng thời là phương tiện hữu ích với những người dân để tiếp nhận thông tin. Loa phát thanh xã sẽ đưa những bản tin, những quy định pháp luật, những tấm gương điển hình hoặc đơn giản là giới thiệu mô hình chuỗi cung ứng... liên quan đến vệ sinh. Các bản tin sẽ do cán bộ y tế xã xây dựng và chịu trách nhiệm phát trên loa. Thời điểm phát cụ thể sẽ do UBND xã quyết định vào các đợt cao điểm truyền thông Vệ sinh môi trường.

- Tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp theo Mô hình Vệ sinh tổng thể có sự tham gia của cộng đồng (CLTS) hoặc các phương pháp truyền thông trực tiếp khác theo định hướng của Chương trình. Trạm y tế xã phối hợp với TTYT huyện, tổ chức đối với một số thôn bản có tỷ lệ nhà tiêu thấp.

c) Các hoạt động truyền thông tại cấp thôn:

Phần lớn các nỗ lực BCC sẽ được tập trung vào những mục tiêu phát huy hiệu quả nhất trong thay đổi hành vi: ở hộ gia đình, thôn/bản, ở cấp xã; ở Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở sau khi tiếp nhận các công trình mới trong Chương trình. Cách tiếp cận chung là thông qua chiến dịch truyền thông thay đổi hành vi được thực hiện bởi các cán bộ y tế thôn/bản, được hỗ trợ bởi cộng tác viên, Hội phụ nữ, Đoàn thể... Các hoạt động cụ thể như sau:

- Vẽ sơ đồ vệ sinh thôn bản : Sơ đồ vệ sinh thôn thể hiện được tình hình vệ sinh trong thôn một cách trực quan. Các nhãn màu khác nhau sẽ biểu thị rõ tình trạng vệ sinh của từng hộ: có nhà tiêu hợp vệ sinh, có nhà tiêu không hợp vệ sinh, hoặc chưa có nhà tiêu. Mỗi thôn sẽ có một sơ đồ thôn khi bắt đầu Chương

trình vệ sinh và sẽ được cập nhật trước và sau mỗi cuộc họp thôn chuyên về vệ sinh hộ gia đình. Sơ đồ thôn sẽ được tuyên truyền viên sử dụng trong các buổi họp thôn chuyên về vệ sinh, trong các buổi họp lồng ghép và được treo ở nhà văn hóa thôn.

- Các cuộc họp thôn về vệ sinh : Họp thôn chuyên đề về vệ sinh là một trong những kênh truyền thông chính để vận động các hộ gia đình đầu tư vào vấn đề vệ sinh và cải thiện các thói quen vệ sinh. Mỗi thôn sẽ tổ chức ít nhất 2 cuộc họp thôn. Cuộc họp thôn thứ nhất, tập trung nâng cao nhận thức và tuyên truyền các lợi ích của nhà tiêu hợp vệ sinh và giới thiệu bản đồ vệ sinh thôn. Cuộc họp thôn thứ hai và các cuộc họp lồng ghép chủ đề vệ sinh môi trường sẽ tập trung cung cấp các thông tin về các cơ sở cung ứng nhà tiêu, giá thành và phương án mua hàng. Thực hiện được cam kết và kế hoạch xây nhà tiêu của người dân; tập trung cập nhật bản đồ vệ sinh thôn và nâng cao nhận thức của người dân về cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu đúng cách. Họp thôn chuyên về vệ sinh sẽ được tổ chức trong năm đầu tiên ở các xã can thiệp. Các năm sau không tổ chức họp chuyên đề mà họp lồng ghép trong các cuộc họp của các tổ chức đoàn thể hoặc các cuộc họp khác của thôn.

- Họp lồng ghép (kết hợp nội dung vệ sinh trong các cuộc họp thôn thông thường) Các cuộc họp thường kỳ trong thôn sẽ đưa thêm các nội dung về vệ sinh vào trong chương trình cuộc họp, để cung cấp các thông tin cập nhật về các vấn đề vệ sinh và tình trạng vệ sinh trong thôn.

- Thăm hộ gia đình: Đây là kênh truyền thông quan trọng thứ hai trong chiến dịch truyền thông. Các tuyên truyền viên thôn bản sẽ đến thăm các hộ dân và vận động hộ dân xây nhà tiêu hợp vệ sinh sau khi đã giải thích cụ thể cho họ hiểu về các lợi ích của nhà tiêu hợp vệ sinh, về giá cả và đặc tính của các phương án nhà tiêu khác nhau. Trong các chuyến thăm hộ, người tuyên truyền viên sẽ phải thay đổi các thông điệp vận động và các nội dung cung cấp cho hộ gia đình sao cho phù hợp với hoàn cảnh của hộ đó, ví dụ như khả năng chi trả, diện tích đất sẵn có, nguồn nước sử dụng, và các động cơ xây dựng nhà tiêu của hộ, hướng dẫn cho hộ dân biết cách sử dụng và bảo quản từng loại nhà tiêu, đồng thời cố gắng kết nối hộ dân với các cơ sở cung ứng nhà tiêu và các cộng tác viên bán hàng. Nếu người dân thực sự không có khả năng chi trả, tuyên truyền viên sẽ hướng dẫn cho hộ cách tự xây nhà tiêu (sử dụng tờ rơi hướng dẫn tự xây nhà tiêu) để họ có thể tự xây được nhà tiêu theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật khi có khả năng về kinh tế.

- Tuyên truyền trên loa phát thanh:(Lồng ghép vào các chương trình phát thanh của thôn) Kênh truyền thông này sẽ tập trung tuyên truyền các thông điệp vận động và các thông tin hữu ích như các quy định về vệ sinh, lịch họp thôn về vệ sinh hay tỷ lệ bao phủ nhà tiêu hợp vệ sinh trong thôn. Loa phát thanh chỉ là kênh truyền thông phụ trợ để tuyên truyền các thông điệp vận động với độ dài khoảng 01 phút và các bản tin dài khoảng 3 phút. Cán bộ địa phương có thể phát tin thông báo về các sự kiện vệ sinh cấp xã qua mạng lưới loa phát thanh hàng tuần.

2.2.3. Các hoạt động phát triển thị trường vệ sinh

a) Lựa chọn và phát triển các mô hình kinh doanh vệ sinh.

Có 2 loại mô hình kinh doanh chính trong lĩnh vực vệ sinh cần được lựa chọn và phát triển bao gồm:

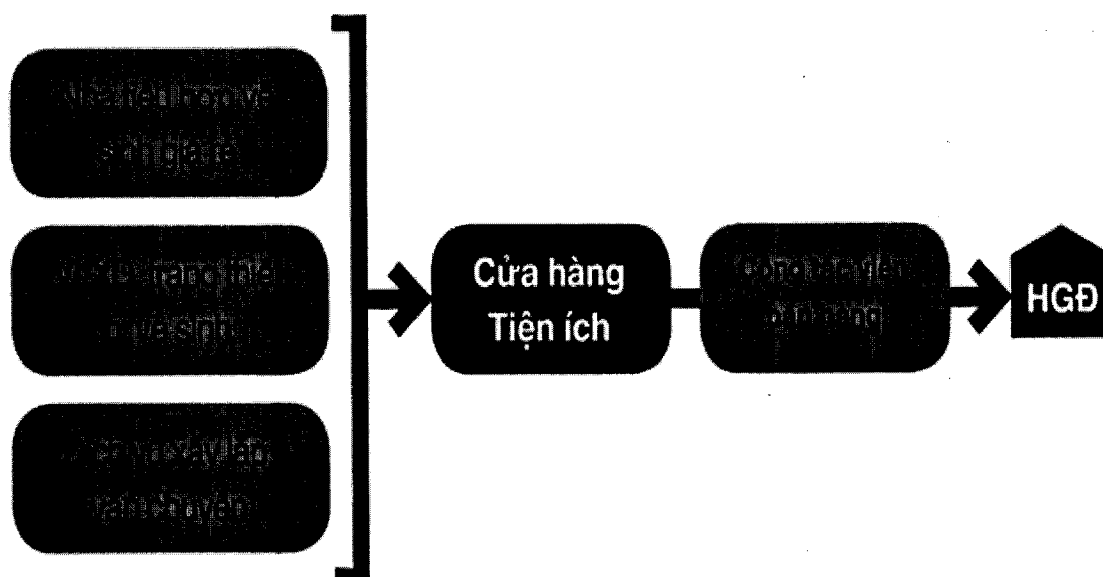
- Cửa hàng tiện ích cung cấp dịch vụ trọn gói được sử dụng đối với vùng có thị trường mua bán vật liệu và trang thiết bị vệ sinh.

- Dịch vụ từng phần được sử dụng đối với những vùng chưa có thị trường mua bán vật liệu sẽ áp dụng mô hình dịch vụ tại chỗ thông qua các nhóm thợ xây hay tuyên truyền viên ở cộng đồng.

b) Mô hình cửa hàng tiện ích (CHTI)

- Cửa hàng tiện ích là một mô hình cửa hàng bán lẻ mà tại đó các khách hàng có thể mua tất cả các vật liệu và trang thiết bị cần thiết để xây một nhà tiêu hợp vệ sinh hoàn chỉnh. Các cửa hàng này có thể cung cấp các dịch vụ khác nhau như dịch vụ xây dựng, vận chuyển, tư vấn cho hộ gia đình về loại nhà tiêu phù hợp, cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu, hỗ trợ tài chính hoặc bảo hành sản phẩm để người dân chọn được loại hình phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của gia đình mình với mức giá chuẩn và chất lượng tốt. Người dân có thể sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ của các CHTI tùy theo nhu cầu của gia đình mình.

- Lựa chọn và thành lập CHTI, Trung tâm KSBT sẽ hỗ trợ thành lập và tập huấn các CHTI, mạng lưới tiếp thị và phân phối của cửa hàng bằng cách tuyên truyền về mô hình kinh doanh này;



- Đào tạo đội ngũ thợ xây, CHTI cần thành lập mạng lưới thợ xây để có thể cung cấp trọn gói sản phẩm nhà tiêu đồng thời quản lý được chất lượng xây dựng của sản phẩm. Đội ngũ thợ xây này sẽ được tham gia vào lớp tập huấn về kỹ thuật xây dựng, cách sử dụng và bảo quản các loại nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Lập mạng lưới Cộng tác viên bán hàng (CTV), bao gồm lựa chọn các ứng cử viên làm CTV, tập huấn cho họ cách xây dựng mạng lưới tiếp thị của mình để họ có thể tiếp tục mở rộng hoạt động sau khi chương trình vệ sinh ngừng hỗ trợ. CTV là cầu nối giữa bên bán (CHTI) và bên mua (hộ gia đình), cung cấp dịch vụ xây nhà tiêu đáp ứng với nhu cầu của khách hàng. CTV có thể là cán bộ y tế thôn bản, cán bộ phụ nữ, thôn bản, v.v..

- Kết nối nhóm Gom vốn quay vòng (GVQV) và CHTI, đây là hoạt động tuyên truyền, vận động các thành viên trong nhóm GVQV tham gia sử dụng vốn quay vòng của nhóm vào mục đích xây nhà tiêu hợp vệ sinh thông qua dịch vụ được cung cấp của cửa hàng tiện ích do các Cộng tác viên bán hàng; Hội phụ nữ xã, thôn và những người đang điều hành và quản lý nhóm GVQV thực hiện. Tiến trình thực hiện qua các bước: Chuẩn bị các thông tin từ CHTI như khả năng hỗ trợ tài chính, Tỷ lệ lãi suất, Chính sách giảm giá; Giải thích về mô hình nhóm GVQV xây nhà tiêu hợp vệ sinh; Trả lời các thắc mắc của thành viên nhóm GVQV; Hẹn thăm các hộ có nhu cầu tham gia; Thăm hộ có nhu cầu tham gia nhóm GVQV; Thống nhất về việc mua nhà tiêu; Hoàn tất thủ tục mua nhà tiêu theo nhóm; Nhận tiền quỹ của nhóm GVQV thanh toán với CHTI, Mở rộng quy mô nhóm.

c) Mô hình dịch vụ từng phần đối với nơi thị trường chưa phát triển:

Thông qua các nhóm thợ xây hay tuyên truyền viên ở cộng đồng bao gồm các hoạt động như: (i) Thợ xây đúc ống bi và lắp đặt ống bi, tấm nanh bê tông hoặc xây dựng tại hộ gia đình. (ii) Cho thuê/ mượn khuôn đổ ống bi; (iii) Cửa hàng bán lẻ kiêm lắp đặt dụng cụ, thiết bị nhà tiêu; (iv) Mô hình cửa hàng bán lẻ kiêm việc sản xuất phụ kiện, tấm nanh bê tông và lắp đặt nhà tiêu quy mô trung bình; (v) Mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ đúc ống bi và lắp đặt nhà tiêu tại chỗ- quy mô nhỏ. Mô hình này còn bao gồm các dịch vụ tư vấn kỹ thuật nhà tiêu của cán bộ y tế, thợ xây, dịch vụ hỗ trợ tài chính, vận chuyển, dịch vụ hút, thông tắc bể phốt....

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh là Cơ quan chủ quản thành phần, chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, phân giao nhiệm vụ cho các Sở, ngành trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

3.1. Thành lập và kiện toàn Ban Điều hành Hợp phần vệ sinh

- Tại tuyến huyện huyện thành lập và kiện toàn Ban Điều hành triển khai Hợp phần vệ sinh các cấp với các thành phần như sau: Lãnh đạo UBND huyện là Trưởng ban, Lãnh đạo Trung tâm Y tế huyện làm Phó ban, các thành viên là đại diện Hội LHPN huyện; Ngân hàng chính sách xã hội, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên và đại diện các ban, ngành đoàn thể có liên quan khác.

- Tại xã kiện toàn Ban Điều hành triển khai hợp vệ sinh cấp xã bao gồm Lãnh đạo UBND xã là Trưởng ban, Trạm trưởng Trạm y tế xã làm Phó ban, các thành viên là đại diện Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân và đại diện các đoàn thể có liên quan khác.

- Tại thôn kiện toàn Ban vận động: có các Ban, Ngành đoàn đoàn thể thôn tham ra, trong đó Trưởng thôn làm Trưởng Ban vận động

3.2. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị

3.2.1. Tuyển tỉnh

a) Sở Y tế:

- Phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình của tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động thuộc Hợp phần vệ sinh của Chương trình trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch và ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Hợp phần vệ sinh đạt chỉ tiêu kế hoạch của Chương trình.

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thực làm đầu mối triển khai thực hiện các hoạt động của Hợp phần vệ sinh thuộc chương trình để chỉ đạo, hướng dẫn các TTYT tuyến huyện, Trạm Y tế xã, huy động hệ thống cán bộ y tế thôn bản, phụ nữ tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện Hợp phần vệ sinh theo quy định.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức và thực hiện các hoạt động về vệ sinh tại trường học. Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm KSBT để hoàn thiện bản kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh; tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động tại trường học đồng bộ với hoạt động của ngành y tế để bảo đảm các tiêu chí Vệ sinh toàn xã (đầu ra của Chương trình).

c) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật:

- Là đơn vị làm đầu mối thực hiện toàn bộ các hoạt động của Hợp phần vệ sinh thuộc Chương trình, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức thực hiện triển khai các Kế hoạch đã được phê duyệt: Tổ chức các hoạt động đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực và các hoạt động truyền thông; triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát, báo cáo đánh giá của Chương trình báo cáo Sở Y tế và Ban Chỉ đạo.

- Lựa chọn, thiết kế các loại hình nhà tiêu phù hợp với địa phương và tổ chức xây dựng, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công trình nhà tiêu HVS hộ gia đình và trạm y tế xã.

- Lập dự toán chi tiết kinh phí hoạt động được giao, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, đồng thời tổ chức thực hiện giải ngân đạt tiến độ và đúng quy định của Nhà nước hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với ngành Giáo dục tổ chức triển khai các hoạt động tại xã tham gia Chương trình bảo đảm các tiêu chí Vệ sinh toàn xã. Đồng thời phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan để triển khai các hoạt động truyền thông trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát hỗ trợ các tuyến thực hiện các hoạt động của Chương trình. Tham gia hỗ trợ các đoàn kiểm đếm đánh giá vệ sinh toàn xã.
- Thực hiện báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình theo quy định.

d) Các tổ chức liên quan:

Các tổ chức liên quan trong thực hiện kế hoạch BCC các cấp bao gồm Hội liên hiệp phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức phi chính phủ quốc tế và Việt Nam, các tổ chức tín dụng, NHCSXH và khu vực tư nhân như các nhà sản xuất, cung cấp, các cửa hàng tiện ích, chợ xây...

3.2.2. Tuyển huyện

a) Ủy ban nhân dân huyện:

Thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban của huyện và UBND các xã, Trạm y tế, trường học phối hợp với các ban, ngành liên quan triển khai thực hiện công tác truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, VSMT, vệ sinh cá nhân trên địa bàn.

b) Trung tâm Y tế huyện:

- Là đầu mối, phối hợp với các ban ngành của huyện tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động thúc đẩy vệ sinh nông thôn trên địa bàn huyện. Trung tâm Y tế huyện có nhiệm vụ:

- Tổ chức chỉ đạo, triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi trên địa bàn, để tăng tỷ lệ nhà tiêu HVS hộ gia đình và trạm y tế xã trên địa bàn huyện.

- Xác định nhu cầu nhà vệ sinh và nhu cầu xây dựng nhà tiêu của các hộ gia đình và trạm y tế.

- Phổ biến các loại hình, thiết kế, giá cả các loại hình nhà tiêu phù hợp với địa bàn huyện. Hướng dẫn và tập huấn kỹ thuật xây nhà tiêu cho tuyến xã và các đội thợ xây.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát hỗ trợ tuyến xã thực hiện các hoạt động của Chương trình. Tham gia hỗ trợ các đoàn kiểm đếm đánh giá vệ sinh toàn xã. Tổ chức nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình nhà tiêu HVS hộ gia đình và trạm y tế xã.

- Thực hiện báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình theo quy định.

c) Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện:

- Tổ chức giám sát việc thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trường học.

- Phối hợp với đoàn kiểm đếm đánh giá các tiêu chí tại trường học nằm trong các tiêu chí vệ sinh toàn xã.

3.2.3. Tuyển xã

* *Trạm Y tế xã* là đầu mối triển khai các hoạt động dự án vệ sinh nông thôn trên địa bàn xã, cụ thể là:

- Hướng dẫn các thôn, bản xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện thành công kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn.

- Giới thiệu, phổ biến các loại hình nhà tiêu HVS phù hợp và giá cả cho người dân tại địa phương.

- Tổ chức mạng lưới truyền thông viên tại xã phục vụ cho các hoạt động của dự án vệ sinh nông thôn, thành phần bao gồm trưởng thôn, cán bộ y tế thôn, cán bộ hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân, hội cựu chiến binh...

- Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, vận động người dân trong địa bàn xã tự xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà tiêu HVS hộ gia đình.

- Tổ chức, thành lập các đội thợ xây cung cấp dịch vụ xây nhà tiêu. Tổ chức triển khai xây dựng mới và sửa chữa các nhà tiêu theo đúng kỹ thuật tại các hộ gia đình và trạm y tế xã.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát kỹ thuật, nghiệm thu các công trình vệ sinh đã được xây dựng và sửa chữa.

- Tổ chức lựa chọn các hộ gia đình thuộc nhóm đối tượng ưu tiên hỗ trợ của dự án trình UBND xã phê duyệt.

- Báo cáo kết quả hoạt động cho UBND xã và Ban điều hành huyện.

** Trường học:*

- Tập huấn về phương pháp thực hiện truyền thông về vệ sinh môi trường trong trường học cho giáo viên, tổng phụ trách đội, y tế trường học các trường (mầm non, tiểu học và THCS).

- Hội nghị/ Họp triển khai thực hiện hoạt động truyền thông về vệ sinh môi trường trong trường học.

- Triển khai các hoạt động truyền thông lồng ghép trong trường học: tuyên truyền trong lễ chào cờ, giờ sinh hoạt lớp và qua hoạt động của đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tại tất cả các cấp học.

- Triển khai các hoạt động ngoại khóa về vệ sinh môi trường (trong đó chú ý nội dung rửa tay bằng xà phòng và sử dụng – bảo quản nhà vệ sinh trường học) như Hội thi tìm hiểu, thi vẽ tranh... cho học sinh các trường mầm non và tiểu học.

- Giám sát việc thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trường học.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí được cấp năm 2018: 1.215.000.000đ.

Bằng chữ: Một tỷ hai trăm mười lăm triệu đồng chẵn.

Trong đó:

- Kinh phí do ngành Y tế thực hiện: 1.110.000.000đ.

- Kinh phí do ngành Giáo dục thực hiện: 105.000.000đ.

V. KIẾN NGHỊ

- Đối với Ban điều phối chương trình Trung ương, (i) thường xuyên quan tâm, hướng dẫn đề hoạt động truyền thông thay đổi hành vi tại tỉnh Bắc Giang đạt kết quả tốt. (ii) Đề nghị với Bộ Tài chính xem xét làm các thủ tục chuyển phần kinh phí sự nghiệp còn kết dư năm 2017 sang cho các hoạt động và dự toán năm 2018 để tổ chức thực hiện. (iii) xem xét bổ sung kinh phí để chi trả cho các hộ gia đình đã hoàn thành xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh năm 2017.

- Đối với UBND tỉnh (i) thường xuyên quan tâm chỉ đạo các ban ngành liên quan phối hợp tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi trên địa bàn đạt kết quả tốt. (ii) Xem xét cấp kinh phí đối ứng cho hoạt động truyền thông thay đổi hành vi theo kế hoạch kinh phí đã được phê duyệt để bảo đảm cho các hoạt động của Chương trình đạt đúng tiến độ.

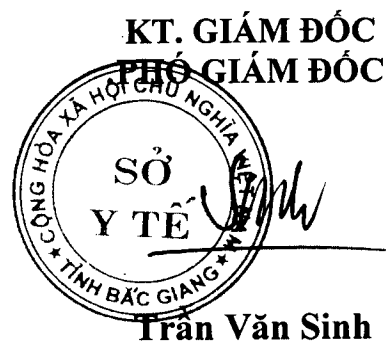
Trên đây là kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi triển khai Chương trình "Mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch dựa trên kết quả" năm 2018 của ngành Y tế và Giáo dục tỉnh Bắc Giang, đề nghị các đơn vị được phân công tổ chức triển khai thực hiện tốt các hoạt động của kế hoạch và báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ngân hàng thế giới;
- Cục Quản lý môi trường Y tế - Bộ Y tế;
- Cục Thủy lợi - Bộ NN&PTNT;
- Các sở: NN&PTNT, GD&ĐT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Trung tâm KSBT;
- Lưu VT, NVY.

Bản điện tử:

- Giám đốc Sở Y tế;
- Phòng KHTC;
- TTYT, Phòng GD&ĐT huyện: Yên Thế, Hiệp Hòa, Tân Yên.



Phụ lục 1. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BCC NĂM 2018

TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Kế hoạch số 78 KH-SYT ngày 12 tháng 7 năm 2018 của sở Y tế Bắc Giang)

Tổng kinh phí được cấp để thực hiện năm 2018:

STT	Cấp/hoạt động	Số tiền (VNĐ)	Nguồn kinh phí		
			Trung ương	Địa phương	Ghi chú
1	Ngành Y tế	1 110 000 000	1 110 000 000	0	
2	Ngành Giáo dục	105 000 000	105 000 000	0	
Tổng		1 215 000 000	1 215 000 000	0	

A. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI BCC THỨC ĐẦY VỆ SINH TRONG CỘNG ĐỒNG DO NGÀNH Y TẾ THỰC HIỆN

I. CÁC HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THỰC HIỆN 6 XÃ MỚI THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH VỆ SINH TOÀN XÃ HUYỆN TÂN YÊN NĂM 2018

1. KẾ HOẠCH NĂM 2018 CẤP TỈNH

1.1. Địa bàn can thiệp

STT	Huyện	Số xã thực hiện can thiệp		Số xã đạt vệ sinh (toàn xã)	Số thôn (trung xã) đạt vệ sinh (toàn xã)	Số hộ được hưởng lợi	Số dân được hưởng lợi	Tổng kinh phí	Ghi chú
		Số xã đang ky mới	Số xã chuyển tiếp						
	Hiệp Hòa		9	9	83	18588	80629	809 748 000	
	Yên Thế		12	12	125	15811	58546		
	Tân Yên	6		6	91	12939	44793	300 252 000	
Tổng		6	21	27	299	47338	183968	1 110 000 000	

1.2. Các hoạt động truyền thông cấp tỉnh

TTT	Tên hoạt động	Số lần/ Số xã/ Số tập huấn	Thời gian Dự kiến	Đơn vị thực hiện		Kinh phí	Chức vụ
				Đầu mối	Phối hợp		
1	Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy VS nông thôn	01	7/2018	TTNS& VSNT	TTKSBT		TTNS& VSNT thực hiện
2	Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát chương trình bao gồm văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan	01	7/2018	TTKSBT	TTYT : Tân Yên,		Hoạt động lồng ghép
3	Tập huấn (TOT) cho các cán bộ nòng cốt cấp tỉnh, huyện) về nâng cao năng lực truyền thông, phát triển thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá.....	01 cho 6 huyện	7/2018	TTKSBT	Sở giáo dục và ĐT	15 630 000	
4	Phát triển thị trường vệ sinh: Cán bộ tuyển tinh đi hướng dẫn, hỗ trợ lựa chọn và phát triển các mô hình kinh doanh vệ sinh tại 6 xã của huyện Tân Yên	12 lần/6 xã	7-8/2018	TTKSBT	TTYT huyện Tân Yên	3 240 000	
5	Sản xuất tài liệu truyền thông (6 chiếc Pano và 6 biển giới thiệu cửa hàng tiện ích) tuyên truyền cho 6 xã mới tham gia VSTX của huyện Tân Yên	12 chiếc	Tháng 8-9/2018	TTKSBT	TYT xã	12 600 000	
6	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng: Xây dựng 02 phóng sự truyền thông trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh; xây dựng 02 tin bài truyền thông trên Báo Bắc Giang	2 lượt/năm	9-10/2018	TTKSBT	Đài PTTH tỉnh, Báo Bắc Giang	16 000 000	Theo nội dung truyền thông của CT gửi
7	Kiểm tra, giám sát hỗ trợ tuyến huyện, xã (07 ngày) thực hiện các chỉ tiêu vệ sinh toàn xã tại các thôn trong 6 xã huyện Tân Yên	42 ngày/6 xã	Tháng 8-12/2018	TTKSBT	TTYT Tân Yên	11 340 000	
8	Mua vật tư cấp cho tuyên truyền viên thôn về bản đồ vệ sinh thôn(Mỗi thôn gồm: 01 Bảng phóc trắng, khung nhôm. KT1.2m *1,5m + 03 bút dạ + 02 chiếc kéo + giấy đề can các màu) * 91thôn)	01 đợt	Tháng 8, 9/2018	TTKSBT	TTYT huyện, TYT xã	27 300 000	
9	Tổ chức công nhận xã đạt vệ sinh toàn xã	Dự kiến 22 xã	4/Năm 2019	TTKSBT	TTYT huyện		Sau khi WB thẩm định

TT	Tên hoạt động	Số lần/ Số xã/ Số cấp huyện	Thời gian Dự kiến	Đơn vị thực hiện		Kinh phí	Chức vụ
				Đầu mối	Phối hợp		
10	Hỗ trợ huyện và xã giám sát để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.	Dự kiến 22 xã	Năm 2019	TTKSBT	TTYT huyện		Chưa có xã đạt VSTX
11	Hội thảo tổng kết cuối năm	01	12/2018	TTKSBT	TTYT huyện		Hoạt động lồng ghép vào hội nghị cuối năm
12	Hoạt động khác: Xăng xe kiểm tra giám sát của BDH, Văn phòng phẩm, In photo mẫu biểu báo cáo, biểu mẫu quyết toán; chụp, in ảnh các hoạt động phục vụ quyết toán.....			TTKSBT		1 500 000	
Tổng						87 610 000	

*** Lưu ý:**

- Kinh phí cho từng hoạt động được đưa vào trên cơ sở dự toán cụ thể cho mỗi hoạt động
- Một số hoạt động lồng ghép và không cần kinh phí.

- Theo Kế hoạch tổng thể đã phê duyệt, năm 2018 triển khai tại 14 xã. Tuy nhiên do không đủ nguồn kinh phí nên chỉ triển khai 6 xã. Các xã còn lại triển khai khi có kinh phí bổ sung.

2. KẾ HOẠCH NĂM 2018 CẤP HUYỆN

HUYỆN: Tân Yên,

2.1. Địa bàn can thiệp

STT	Tên xã/ huyện thực hiện can thiệp	Số thôn/ tổng số thôn	Số dân trong thôn (tổng số)	Số dân hưởng lợi (trong số)	Tỷ lệ tiếp cận VSVS (%)	Mức tiếp cận VSVS (%)
Xã mới đăng ký đặt VSTX trong năm 2018						
Huyện Tân Yên						
1	Hợp Đức	11	1868	6460	67,5	> 70%
2	Liên Chung	10	1917	9806	67,7	>70%
3	Ngọc Thiện	29	3259	8180	63,2	70%
4	Ngọc Châu	15	1640	8755	62,4	70%
5	Ngọc Lý	13	1865	6585	67,8	70%
6	Việt Lập	13	2390	5007	61,4	70%
Tổng		91	12939	44793	62,8	>70%

2.2. Các hoạt động truyền thông:

STT	Tên hoạt động	Số lần/ Số cơ sở tiếp nhận	Thời gian	Người thực hiện		Kinh phí	Ghi chú
				Đơn vị	Đơn vị		
1	Tổ chức 01 hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh tại huyện Tân Yên và năm 2018. Nội dung: Tầm quan trọng của vệ sinh, phương pháp thực hiện, sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy VS nông thôn. 1/2ngày/hội nghị.	01 hội nghị	Tháng 7/2018	TTYT Tân Yên,	TTKSBT		Hoạt động lồng ghép

TT	Tên hoạt động	Số lần/ Số xã/ Số tập huấn	Thời gian	Người thực hiện		Kinh phí	Ghi chú
				Đầu mối	Phối hợp		
2	Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát chương trình bao gồm văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan(6 xã huyện Tân Yên)	02	7/2018	TTYT Tân Yên,	TTKSBT		Hoạt động lồng ghép
3	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài TH và báo) bao gồm (i) phát thông điệp truyền thông (dựa theo clip đã có), (ii) xây dựng và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin truyền thông.	04	9-10/2018	TTKSBT	Đài truyền thanh truyền hình , báo tỉnh		Tuyên tỉnh thực hiện
4	Tổ chức Tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ xã và cộng tác viên thôn kiến thức và kỹ năng truyền thông về nhà tiêu HVS 6 xã VSTX năm 2018 Tân Yên	6 lớp	8-9/2018	TTYT Tân Yên	TTKSBT	37 372 000	
5	Tập huấn Phát triển thị trường vệ sinh cho cửa hàng tiện ích, thợ xây về kỹ thuật xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh 6 xã huyện Tân Yên	06 lớp	8-9/2018	TTYT huyện Tân Yên	TTKSBT	38 140 000	
6	Cán bộ tuyến huyện đi hướng dẫn, hỗ trợ lựa chọn và phát triển thị trường vệ sinh tại 6 xã mới tham gia VSTX của 6 xã huyện Tân Yên VSTX 2018	2 lần/ xã*6 xã	Tháng 7-8/2018	TTYT Tân Yên	TTKSBT	960 000	
7	Kiểm tra, Giám sát hỗ trợ tuyến xã thực hiện các chỉ tiêu đạt vệ sinh toàn xã tại 6 xã huyện Tân Yên.	7 ngày/ xã * 6 xã	8-12/2018	TTYT Tân Yên	TTKSBT	3 360 000	
8	Tổ chức giao ban/hợp định kỳ ít nhất 3 tháng/1 lần, báo cáo, giám sát định kỳ	6 xã	9-12/2018	TTYT Tân Yên	TTKSBT		Hoạt động lồng ghép
9	Hội thảo tổng kết cuối năm(có thể tổ chức tại tỉnh)	6 xã	12/2018	TTYT Tân Yên	TTKSBT		Hoạt động lồng ghép
11	Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.	Dự kiến 22 xã	Năm 2019	TTYT huyện	TYT xã		Chưa có xã đạt VSTX
12	Hoạt động khác (Văn phòng phẩm, In photo mẫu biểu báo cáo, biểu mẫu quyết toán...)	01		TTYT Tân Yên		1 500 000	
TỔNG CỘNG						81 332 000	

*** Lưu ý:**

- Kinh phí cho từng hoạt động được đưa vào trên cơ sở dự toán cụ thể cho mỗi hoạt động

- Một số hoạt động lồng ghép và không cần kinh phí

- Theo Kế hoạch tổng thể đã phê duyệt, năm 2018 triển khai tại 14 xã. Tuy nhiên do không đủ nguồn kinh phí nên chỉ triển khai 6 xã.

Các xã còn lại triển khai khi có kinh phí bổ sung.

3. KẾ HOẠCH NĂM 2018 CẤP XÃ, THÔN

Đối với những xã cần thiết chính trong năm

TTT	Tên hoạt động	Số lần, Số xét Số lần thực hiện	Thời gian Đã triển	Người thực hiện		Kinh phí	Ghi chú
				Đầu mối	Phối hợp		
3.1. HOẠT ĐỘNG CẤP XÃ							
1	Xây dựng văn bản cam kết của lãnh đạo xã thực hiện chương trình đạt vệ sinh toàn xã 6 xã mới VSTX 2018	6 cam kết	Tháng 8/2018	UBND xã	TTYT huyện		Lồng ghép
2	Hội nghị triển khai chương trình vệ sinh nông thôn 6 xã mới VSTX 2018	6 hội nghị	8/2018	UBND xã	TTYT huyện		Đã lồng ghép
3	Lập kế hoạch triển khai và giám sát, hỗ trợ thực hiện ở các thôn	6 KH	8/2018	UBND xã	TYT xã		Lồng ghép
4	Tổ chức các sự kiện truyền thông về vệ sinh như lễ phát động, ngày hội vệ sinh đẩy mạnh phong trào thi đua thúc đẩy vệ sinh giữa các thôn (1 lần/năm).	30 bài	9-10/2018	UBND xã	TYT xã		Hoạt động loa phát thanh thay thế
5	Lắp đặt các cụm pano, về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường tại các trạm y tế xã, trường học và nơi công cộng.	6 chiếc	8/2018	TTKSBT	UBND xã		Tuyên tỉnh thực hiện
6	Phát chương trình vệ sinh trên loa phát thanh của xã 6 xã mới	30 bài	7-8/2018	UBND xã	TYT xã	4 050 000	
7	Hỗ trợ huyện lựa chọn công tác viên bán hàng, cửa hàng tiện ích và thợ xây 6 xã mới VSTX 2018	6 xã	7-8/2018	TTKSBT	UBND xã	0	
8	Hỗ trợ tổ chức hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trường học					0	Ngành giáo dục chủ trì
9	Giám sát, hỗ trợ hoạt động ở thôn, Tư vấn hộ gia đình xây dựng nhà tiêu, kiểm tra nghiệm thu nhà tiêu, báo cáo định kỳ 6 xã mới VSTX 2018 huyện Tân Yên,	6 xã	8-12/2018	TYT xã	Cán bộ thôn	5 400 000	
10	Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập công nhận các xã đạt "vệ sinh toàn xã"	Dự kiến 27 xã	Năm 2019	TYT xã	Cán bộ thôn		Chưa có xã đạt VSTX
11	Họp giao ban và Báo cáo định kỳ	6 xã	Quý	UBND xã	TYT xã		Lồng ghép
12	Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.	Dự kiến 22 xã	Năm 2019	UBND xã	TYT xã		Chưa có xã nào đạt VSTX
13	Tổ chức kích hoạt cho những địa bàn phù hợp nếu cần thiết	6 xã	Hàng tháng	TYT xã	Cán bộ thôn	0	Lồng ghép thăm HGD
14	Hoạt động khác: Văn phòng phẩm ... 6 xã.huyện Tân Yên	6 xã		TYT xã		7 200 000	
CỘNG						16 650 000	

TTT	Tên hoạt động	Số lần/Số đợt/Số tập huan	Thời gian Dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí	Ghi chú
				Đầu mối	Phối hợp		
3.2. HOẠT ĐỘNG CẤP THÔN							
1	Lập bản đồ vệ sinh thôn 91 thôn của 6 xã huyện Tân Yên(Vải bạt nền trắng lớp Hội thảo cấp cấp)	91 chiếc	Từ tháng 8-9/2018	TYT xã	Cán bộ thôn	0	Lồng ghép Lớp Hội thảo cấp huyện
2	Họp thôn về vệ sinh (ít nhất 2 lần/thôn) 6 xã VSTX 91 thôn năm 2018 (huyện Tân Yên)	182 cuộc	8-11/2018	Trưởng thôn	Các ban ngành, dân	32 760 000	
5	Phối hợp với Cộng tác viên bán hàng để giới thiệu về dịch vụ xây nhà tiêu của cửa hàng tiện ích	91 thôn	Hàng tháng	Cán bộ thôn	Thợ xây	0	
6	Phát thông điệp trên loa/đài (Lồng ghép vào CT thôn)	91 thôn	Quý	Trưởng thôn	YT thôn	0	Lồng ghép công việc thôn
7	Tham gia họp giao ban, báo cáo định kỳ của xã (lồng ghép cuộc họp khác)	91 thôn	Hàng tháng	TYT xã	Cán bộ thôn	0	Lồng ghép họp chuyên môn
8	Tham gia các hoạt động: Thăm hộ gia đình, vận động HGĐ Xây dựng, tu sửa, bảo quản nhà tiêu HVS...	91 thôn	Hàng tháng	Cộng tác viên	Hộ gia đình	81 900 000	
9	Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập và xác nhận các xã đạt "vệ sinh toàn xã" 6 xã đạt vệ sinh hộ gia đình	6 xã	12/2018	Đơn vị kiểm đếm	TYT xã- y tế thôn		Đơn vị kiểm đếm chi trả
10	Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.	Dự kiến 22 xã	Năm 2019	TYT xã	Cán bộ thôn	0	Chưa có xã đạt VSTX.
	CỘNG					114 660 000	

*** Lưu ý:**

- Kinh phí cho từng hoạt động được đưa vào trên cơ sở dự toán cụ thể cho mỗi hoạt động
- Một số hoạt động lồng ghép và không cần kinh phí

**II. CÁC NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG ĐÃ THỰC HIỆN 21 XÃ HUYỆN YÊN THẾ, HIỆP HÒA
THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH VSTX NĂM 2017 CHUYỂN SANG NĂM 2018 (dự kiến hoàn thành VSTX trong năm 2018)**

1. KẾ HOẠCH NĂM 2018 CẤP TỈNH

Các hoạt động truyền thông

TT	Tên hoạt động (*)	Số lần/Số đợt/Số tập huan	Thời gian Dự kiến	Đơn vị thực hiện		Kinh phí VNĐ	Hình thức
				Đầu mối	Phối hợp		
1	Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn	01	7/2018	TTNS& VSNT	TTKSBT		Lồng ghép
2	Phát triển thị trường vệ sinh: Cán bộ tuyến tỉnh đi hướng dẫn, hỗ trợ lựa chọn và phát triển các mô hình kinh doanh vệ sinh tại 6 xã của huyện Tân Yên	2 Lần/ xã*21 xã	2016 - 2018	TTKSBT	TTYT huyện Tân Yên	5 880 000	
3	Tổ chức Kiểm tra, hoàn thành xây dựng nhà tiêu HVS hộ gia đình nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách xây dựng năm 2016 tại 6 huyện.(Hiệp Hòa, Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang)	1 lượt/ xã * 90 xã	2016, 2018	TTKSBT	TTYT huyện, TYT xã	11 700 000	
4	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng: Xây dựng 02 phóng sự truyền thông trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh; xây dựng 02 tin bài truyền thông trên Báo Bắc Giang	2 lượt/năm	1-3/2018	TTKSBT	Đài PTTH tỉnh, Báo Bắc Giang	30 000 000	
5	Tổ chức Kiểm tra, hoàn thành xây dựng nhà tiêu HVS hộ gia đình nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách xây dựng năm 2017 tại 6 huyện.(Hiệp Hòa, Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang)	1 lượt/ xã * 97 xã	2017, 2018	TTKSBT	TTYT huyện, TYT xã	30 070 000	
6	Kiểm tra, Giám sát hỗ trợ (05 ngày/ xã) kiểm đếm các chỉ tiêu đạt vệ sinh toàn xã tại các thôn trong 21 xã	126 ngày/21xã	Tháng 9/2017- 5/2018	TTKSBT	TTYT Tân Yên	36 750 000	
7	Sản xuất tài liệu truyền thông tuyên truyền cho 21 xã mới tham gia VSTX	cấp 21 xã	Tháng 2- 3/2018	TTKSBT	TYT xã	88 610 000	

STT	Tên hoạt động (*)	Số lần/Số lần/Số lần lần	Thời gian Dự kiến	Đơn vị thực hiện		Kinh phí VND	Ghi chú
				Đơn vị	Phạm vi		
8	Kiểm tra xét nghiệm chất lượng nước cho trạm Y tế và Trường học (MN,TH,THCS) Dự kiến 21 xã VSTX của huyện 02 huyện (Yên Thế, Hiệp Hòa) .	01 đợt	Tháng 11,12 năm 2018	TTKSBT	TTYT huyện, TYT xã	100 880 000	
9	Kiểm tra đánh giá các hoạt động của CT đạt VSTX năm 2018 (Dự kiến 21 xã của 02 huyện Hiệp Hòa Yên Thế)	21 xã	11-12/2018	TTKSBT	TTYT huyện, TYT xã	5 670 000	
10	Mua vật tư cấp cho tuyên truyền viên thôn về bản đồ vệ sinh thôn(Mỗi thôn gồm: 01 Bảng phóc trắng, khung nhôm. KT1.2m *1,5m + 03 bút dạ + 02 chiếc kéo + giấy đề can các màu) * 208 thôn)	01 đợt	Tháng 8, 9/2018	TTKSBT	TTYT huyện, TYT xã	62 400 000	
11	Hoạt động khác: Xăng xe kiểm tra giám sát của BDH, Văn phòng phẩm, In photo mẫu biểu báo cáo, biểu mẫu quyết toán; chụp, in ảnh các hoạt động phục vụ quyết toán.....		2018	TTKSBT		5 336 000	
Tổng						377 296 000	

*** Lưu ý:**

- Kinh phí cho từng hoạt động được đưa vào trên cơ sở dự toán cụ thể cho mỗi hoạt động.
- Một số hoạt động lồng ghép và không cần kinh phí.
- Ngoài địa bàn huyện can thiệp chính là 21 xã của Yên Thế và Hiệp Hòa còn có các hoạt động can thiệp xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình tại các huyện Yên Dũng, Tân Yên, Việt Yên, Lạng Giang. Số nhà tiêu đã hoàn thành thuộc đối tượng hộ gia đình nghèo, cận nghèo, chính sách cần chi kinh phí (tương đương 50USD) năm 2017: 2.339 nhà tiêu.

2. KẾ HOẠCH NĂM 2018 CẤP HUYỆN

HUYỆN: Hiệp Hòa, Yên Thế,

2.1. Địa bàn can thiệp

STT	Tên xã/huyện (thị trấn can thiệp)	Số thôn (trung- v)	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiếp HIVS đạt mục tiêu	Mức tiếp % nhà tiếp HIVS đạt mục tiêu
<i>Xã chuyển tiếp (Những xã đăng ký từ các năm 2017 nhưng chưa đạt VSTX)</i>						
Huyện Hiệp Hòa						
1	Đại Thành	4	927	4073	72,06%	> 70%
2	Hợp Thịnh	6	2467	12548	73,08%	>70%
3	Hương Lâm	8	2674	9961	70,87%	70%
4	Danh thắng	13	2716	9150	81,82%	70%
5	Thường Thắng	13	2145	8998	69,26%	70%
6	Châu Minh	5	2122	10972	70,31%	70%
7	Ngọc Sơn	7	2457	7427	74,97%	70%
8	Hoàng Thanh	17	1336	5218	75,00%	70%
9	Mai Đình	10	2534	12282	70,01%	70%
Tổng		83	19378	80629	65,85	>70%

STT	Huyện	Số thôn (khu phố)	Tổng số hộ (đông dân)	Số hộ nghèo (tổng số)	Tỷ lệ thôn (khu phố) đạt chuẩn	Tỷ lệ hộ % (thôn (khu phố) đạt chuẩn)
Huyện Yên Thế						
10	An Thượng	10	1283	4,623	70,07%	70%
11	Đồng tiến	8	1205	4,296	57,76%	70%
12	Đồng Vương	10	1295	5,318	67,88%	70%
13	Tam Tiến	15	1650	6,845	66,61%	70%
14	Tam hiệp	11	969	3,808	70,10%	70%
15	Hương vĩ	11	1527	5,363	54,62%	70%
16	Tân sỏi	10	1308	4,403	58,33%	70%
17	Đồng Lạc	7	1093	3,834	59,47%	70%
18	Tân Hiệp	11	1245	4,055	86,67%	70%
19	Canh nậu	15	1664	6,613	66,89%	70%
20	Tiến Thắng	9	1231	4,331	70,62%	>70%
21	Phồn Xương	8	1231	4,331	82,37%	>70%
Tổng		125	15701	57,820	62,0	> 70%

2.2 Các hoạt động truyền thông:

STT	Tên hoạt động	Số lần / Số người / Số hộ / Số xã / thôn / lớp / huyện	Thời gian	Đơn vị thực hiện		Kinh phí	Ghi chú
				Đơn vị	Phối hợp		
1	Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch năm 2018	02 cuộc	Tháng 7/2018	TTYT huyện	TTKSBT tỉnh		Lồng ghép
2	Tổ chức chiến dịch truyền thông tại huyện Yên Thế. Cho các Ban , Ngành , Đoàn thể	250 người / 01 cuộc	2/2018	TTYT huyện	TTKSBT tỉnh	14 800 000	
3	Tổ chức Tập huấn nâng cao năng lực truyền thông thay đổi hành vi cho cán bộ xã và tuyên truyền viên thôn.	208 thôn 21 xã / 11 lớp	8-9/2018	TTYT Hiệp Hòa, Yên Thế	TTKSBT	80 319 000	
4	Tổ chức Tập huấn hướng dẫn xây dựng KH, kiểm tra giám sát ,cho cán bộ tuyến xã. của 21 xã	2 lớp, 2 huyện	Tháng 01/2018	TTYT Hiệp Hòa, Yên Thế	TTKSBT	56 658 000	
5	Kiểm tra, giám sát hỗ trợ tuyến xã thực hiện các chỉ tiêu đạt vệ sinh toàn xã tại 21 xã huyện Yên Thế, Hiệp Hòa.	7ngày/ xã * 21 xã	Năm 2018	TTYT Yên Thế, Hiệp Hòa	TTKSBT	11 760 000	
6	Tổ chức kiểm tra, hoàn thành xây dựng nhà tiêu HVS hộ gia đình nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách xây dựng năm 2017 tại 6 huyện. (Hiệp Hòa, Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang)	2 lượt/xã 97 xã	Năm 2018	TTYT 6 huyện	TYT xã	15 520 000	
7	Kiểm tra Các hoạt động chương trình 22 xã đạt VSTX	22 xã	11-12/2018	TTYT 3 huyện	TTKSBT	3 360 000	
8	Phối hợp kiểm tra và giám sát chất lượng nước theo quy chuẩn cho trường học và trạm y tế	Dự kiến 22 xã	11-12/2018	TTKSBT	TTYT huyện	560 000	
9	Hoạt động khác (Văn phòng phẩm, In photo mẫu biểu báo cáo, biểu mẫu quyết toán,...)	02 huyện	Năm 2018	TTYT Yên Thế, Hiệp Hòa		4 000 000	
TỔNG CỘNG						186 977 000	

3. KẾ HOẠCH NĂM 2018 CẤP XÃ, THÔN

STT	Tên hoạt động	Số lần/ Số đơn vị thực hiện	Thời gian Dự kiến	Nguồn thực hiện		Kinh phí	Ghi chú
				Đầu mối	Phân trợ		
3.1. Hoạt động cấp xã:							
1	Họp triển khai chương trình vệ sinh nông thôn (Có thể là cuộc họp lồng ghép với những cuộc họp khác của xã nhằm mục đích thông báo kế hoạch tiếp tục thực hiện để đạt tiêu chí xã VSTX)	02 lần/xã * 21 xã	Tháng 8,11/2018	UBND xã	TYT xã	0	Lồng ghép
2	Phát chương trình vệ sinh trên loa phát thanh của xã 21 xã	105 bài	2017, 2018	UBND xã	TYT xã	14 175 000	
3	Pa nô tuyên truyền treo tại nơi công cộng			Tuyển tình đã thực hiện tại các xã			
4	Giám sát, hỗ trợ hoạt động ở thôn, Tư vấn hộ gia đình xây dựng nhà tiêu, kiểm tra nghiệm thu nhà tiêu, báo cáo định kỳ 21	21 xã	2017, 2018	TYT xã	Cán bộ thôn	18 900 000	
5	Hoạt động hỗ trợ CHTI tại những xã của năm trước để duy trì tính bền vững của mô hình này	21 xã	2018	TTYT huyện	TYT xã		Lồng ghép
6	Hoạt động khác: Văn phòng phẩm, in biểu mẫu báo cáo, sổ theo dõi công trình vệ sinh thôn...	12 xã		TYT xã		25 200 000	
CỘNG						58 275 000	
3.2. Hoạt động cấp thôn							
1	Vẽ bản đồ vệ sinh thôn	208 thôn		Tuyển tình cấp vật tư, thực hiện lồng ghép trong lớp tập huấn			
2	Họp thôn về rửa tay với xà phòng và cấp nhật bản đồ vệ sinh thôn	208 thôn	Hàng quý	Cộng tác viên	Hộ gia đình		Lồng ghép
3	Tham gia các hoạt động: Thăm hộ gia đình, vận động HGĐ Xây dựng, tu sửa, bảo quản nhà tiêu HVS... 21 xã	208 thôn. 21 xã	2017, 2018	Cộng tác viên	Hộ gia đình	187 200 000	
CỘNG						187 200 000	

** Lưu ý:*

- Kinh phí cho từng hoạt động được đưa vào trên cơ sở dự toán cụ thể cho mỗi hoạt động.
- Một số hoạt động lồng ghép và không cần kinh phí.
- Ngoài địa bàn huyện can thiệp chính là 21 xã của Yên Thế và Hiệp Hòa còn có các hoạt động can thiệp xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình tại các xã của huyện Yên Dũng, Tân Yên, Việt Yên, Lạng Giang.

B. KẾ HOẠCH THỨC ĐẦY VỆ SINH TRONG TRƯỜNG HỌC DO NGÀNH GIÁO DỤC THỰC HIỆN NĂM 2018

Địa bàn can thiệp: 27 xã ; 87 trường ; Số học sinh: 38573.

TT	Huyện	Xã		Tên trường	Số học sinh
		Xã đăng ký VSTX mới	Xã chuyển tiếp		
I	Tân Yên	1. Hợp Đức		Trường Mầm Non Hợp Đức	463
				Trường Tiểu học Hợp Đức	503
				Trường THCS Hợp Đức	367
		2. Ngọc Thiện		Trường Mầm Non Ngọc Thiện số 1	360
				Trường Mầm Non Ngọc Thiện số 2	508
				Trường Tiểu học Ngọc Thiện số 1	740
				Trường Tiểu học Ngọc Thiện số 2	370
				Trường THCS Ngọc Thiện	769
		3. Ngọc Châu		Trường Mầm Non Ngọc Châu	493
				Trường Tiểu học Ngọc Châu	545
				Trường THCS Ngọc Châu	379
		4. Ngọc Lý		Trường Mầm Non Ngọc Lý	559
				Trường Tiểu học Ngọc Lý	635
				Trường THCS Ngọc Lý	367
		5. Liên Chung		Trường Mầm Non Liên Chung	509
				Trường Tiểu học Liên Chung	572
				Trường THCS Liên Chung	390
		6. Việt Lập		Trường Mầm Non Việt Lập	729
				Trường Tiểu học Việt Lập	779
				Trường THCS Việt Lập	438
	Tổng	06 Xã	20 Trường	10475	

TT	Huyện	Xã		Tên trường	Số học sinh
		Xã đăng ký VSTX mới	Xã chuyển tiếp		
II	Hiệp Hòa		1. Hương Lâm	Trường MN Hương Lâm số 1	557
				Trường MN Hương Lâm số 2	343
				Trường Tiểu học Hương Lâm số 1	706
				Trường Tiểu học Hương Lâm số 2	443
				Trường THCS Hương Lâm	839
			2. Danh Thắng	Trường MN Danh Thắng	555
				Trường Tiểu học Danh Thắng	750
				Trường THCS Danh Thắng	523
			3. Thường Thắng	Trường MN Thường Thắng	632
				Trường Tiểu học Thường Thắng	840
				Trường THCS Thường Thắng	547
			4. Châu Minh	Trường MN Châu Minh	743
				Trường Tiểu học Châu Minh	919
				Trường THCS Châu Minh	613
			5. Ngọc Sơn	Trường MN Ngọc Sơn	554
				Trường Tiểu học Ngọc Sơn	870
				Trường THCS Ngọc Sơn	633
			6. Hoàng Thanh	Trường MN Hoàng Thanh	299
				Trường Tiểu học Hoàng Thanh	451
				Trường THCS Hoàng Thanh	288
			7. Mai Đình	Trường MN Mai Đình	737
				Trường Tiểu học Mai Đình số 1	875
				Trường Tiểu học & THCS Mai Đình	213
				Trường THCS Mai Đình	566
			8. Đại Thành	Trường MN Đại Thành	278
				Trường Tiểu học & THCS Đại Thành	188

TT	Huyện	Xã		Tên trường	Số học sinh
		Xã đăng ký VSTX mới	Xã chuyển tiếp		
			9. Hợp Thịnh	Trường MN Hợp Thịnh số 1	346
				Trường MN Hợp Thịnh số 2	346
				Trường Tiểu học Hợp Thịnh số 1	714
				Trường Tiểu học Hợp Thịnh số 2	285
				Trường THCS Hợp Thịnh	671
	Tổng		9 xã	31 trường	17324
III	Yên Thế		1. An Thượng	Trường MN An Thượng	262
				Trường Tiểu học An Thượng	340
				Trường THCS An Thượng	242
			2. Tiên Thắng	Trường MN Tiên Thắng	299
				Trường Tiểu học Tiên Thắng	361
				Trường THCS Tiên Thắng	182
			3. Phôn Xương	Trường MN Phôn Xương	229
				Trường Tiểu học Phôn Xương	289
				Trường THCS Phôn Xương	185
			4. Đồng Tiên	Trường MN Đồng Tiên	268
				Trường Tiểu học Đồng Tiên	370
				Trường THCS Đồng Tiên	220
			5. Đồng Vương	Trường MN Đồng Vương	311
				Trường Tiểu học Đồng Vương	383
				Trường THCS Đồng Vương	228
			6. Tam Tiến	Trường MN Tam Tiến	458
				Trường Tiểu học Tam Tiến	599
				Trường THCS Tam Tiến	324
			7. Tam Hiệp	Trường MN Tam Hiệp	237
				Trường Tiểu học Tam Hiệp	310

TT	Huyện	Xã		Tên trường	Số học sinh
		Xã đăng ký VSTX mới	Xã chuyển tiếp		
				Trường THCS Tam Hiệp	207
			8. Hương Vỹ	Trường MN Hương Vỹ	329
				Trường Tiểu học Hương Vỹ	460
				Trường THCS Hương Vỹ	288
			9. Tân Sỏi	Trường MN Tân Sỏi	267
				Trường Tiểu học Tân Sỏi	402
				Trường THCS Tân Sỏi	243
			10. Đồng Lạc	Trường MN Đồng Lạc	249
				Trường Tiểu học Đồng Lạc	250
				Trường THCS Đồng Lạc	136
			11. Tân Hiệp	Trường MN Tân Hiệp	217
				Trường Tiểu học Tân Hiệp	281
				Trường THCS Tân Hiệp	172
			12. Canh Nậu	Trường MN Canh Nậu	360
				Trường Tiểu học Canh Nậu	503
				Trường THCS Canh Nậu	313
			12 xã	36 Trường	10774

Các hoạt động truyền thông:

NỘI DUNG	Số lần/ Số trường/ Số tập huấn...	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí: (VNĐ)	
			Đầu mối	Phối hợp		
CẤP TỈNH, HUYỆN					68 880 000	
1	Tổ chức Hội nghị tập huấn cho các trường học trong địa bàn các huyện đăng ký	1 lần/ huyện*2 huyện	Tháng 9/2018	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT Yên Dũng, Tân Yên	15 210 000
2	In ấn tài liệu truyền thông (áp phích rửa tay bằng xà phòng; sử dụng nhà tiêu, ...) và hướng dẫn sử dụng cho các trường học.	1 lần/ huyện*2 huyện	Tháng 9/2018	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT Yên Dũng, Tân Yên	55 130 000
3	Chi các hoạt khác: Thuê phương tiện vận chuyển tài liệu, in phổ thông các loại văn bản báo cáo; văn phòng phẩm.	2 lần/ huyện*2 huyện	Tháng 10/2018	Sở GD&ĐT		2 000 .000
CẤP TRƯỜNG					36 120 000	
1	Tập huấn về phương pháp thực hiện truyền thông về vệ sinh môi trường trong trường học cho giáo viên, tổng phụ trách Đội, nhân viên y tế trường học	1 buổi/trường* 46 trường	Tháng 10/2018	Các trường đăng ký	GV, nhân viên	32 660 000
2	Triển khai các hoạt động truyền thông lồng ghép trong trường học; tuyên truyền trong Lễ Chào cờ, giờ sinh hoạt lớp và qua hoạt động của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh tại tất cả các cấp học	12 buổi/trường* 46 trường	Trong năm học	Các trường đăng ký	GV, nhân viên, học sinh	3 460 000
Tổng					105 000 000	

* Lưu ý: Kinh phí cho từng hoạt động được đưa vào trên cơ sở dự toán chi tiết